TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** **TỈNH L**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hàng A Vàng

2. Ông Trần Minh Hải

Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Huế - Thư ký Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *thành phố L tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2023/TLST- HNGĐ ngày 10/10/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXX-ST ngày 15/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1991

Nơi ĐKHK: Tổ 11, phường Đ, thành phố L, tỉnh L; Nơi ở hiện nay: Tổ 10, phường T, thành phố L, tỉnh L (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 11, phường Đ, thành phố L, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thanh T kết hôn ngày 27/9/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh L, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, thường xuyên cãi nhau và nhiều lần anh T còn cầm dao đe dọa giết chị. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện nay chị và anh T đang sống ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị H nhận thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Thanh T có 02 con chung, cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09/7/2012 và cháu Nguyễn Trần Hải Đ, sinh ngày 11/10/2018, hiện hai cháu đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 29/02/2024 chị H thay đổi ý kiến về việc nuôi con chung. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Trần Hải Đ, sinh ngày 11/10/2018 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Còn anh Nguyễn Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09/7/2012 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

** Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:*

Anh và chị Trần Thị H kết hôn ngày 27/9/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh L, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị H giấu anh T để cho gia đình chị H vay tiền và không có khả năng trả cho gia đình anh T, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và hiện nay anh và chị H đang sống ly thân, nhưng anh không nhất trí ly hôn mà muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy các cháu.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị H có 02 con chung, cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09/7/2012 và cháu Nguyễn Trần Hải Đ, sinh ngày 11/10/2018. Nếu phải ly hôn anh muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của cháu Nguyễn Thanh T có khai: Bố mẹ cháu hay cãi nhau và nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ, vì mẹ thường xuyên quan tâm, chăm sóc cháu.

* Kết quả xác minh tại nơi cư trú và tại Công an phường Đ nơi chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thanh T cư trú đều thể hiện: Anh T và chị H trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau và hiện nay vợ chồng đang sống ly thân và anh T là người nghiện ma túy đang điều trị bằng thuốc thay thế Methadone tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh L (CDC).

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L có ý kiến về thủ tục tố tụng như sau: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán được phân công, tiến hành thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy định; xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; thu thập chứng cứ khách quan, công khai; ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng đảm bảo. Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn được phân công. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, thành phần. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Nguyễn Thanh T chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09/7/2012 cho anh Nguyễn Thanh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi chung thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung cháu Nguyễn Trần Hải Đ, sinh ngày 11/10/2018 cho chị Trần Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn anh Nguyễn Thanh T có nơi Đ ký hộ khẩu thường trú tại tổ 11, phường Đ, thành phố L, tỉnh L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 27/9/2011 chị Trần Thị H kết hôn với anh Nguyễn Thanh T, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh L, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau. Hiện nay anh chị đang sống ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh T cũng thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng, anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nhưng anh không nhất trí ly hôn mà muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy các cháu. Căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án ngày 25/01/2024 tại tổ dân phố 11, phường Đ và Công an phường Đ nơi anh T và chị H cư trú đều cho thấy: Anh T và chị H trong quá trình chung sống vợ chồng là có xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau và hiện nay anh chị đang sống ly thân và anh T là người nghiện ma túy đang điều trị bằng thuốc thay thế Methadone tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh L (CDC). Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thanh T có 02 con chung cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09/7/2012 và cháu Nguyễn Trần Hải Đ, sinh ngày 11/10/2018. Hiện nay hai cháu Nguyễn Thanh T và cháu Nguyễn Trần Hải Đ đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Trần Hải Đ cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Còn anh T cũng có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh T đều làm công việc tự do, theo lời khai của cả hai anh chị thì thu nhập mỗi người khoảng 15.000.000 đồng/tháng, anh T có nhà ở ổn định, nhưng anh nghiện ma túy đang điều trị bằng thuốc thay thế Methadone tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh L (CDC), còn chị H hiện tại đang phải đi thuê nhà. Mặc dù khi Tòa án lấy lời khai của cháu Nguyễn Thanh T thì nguyện vọng của cháu là muốn được ở với mẹ. Tuy nhiên việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Xét về điều kiện, hoàn cảnh thực tế của anh T, nếu để cho một mình anh T nuôi cả hai con chung là cháu T và cháu Đ sẽ không đảm bảo tốt điều kiện về mọi mặt của các cháu. Do đó, việc giao hai con chung cho anh T là không đảm bảo tốt điều kiện về mọi mặt của con. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận nguyện vọng nuôi con của anh Nguyễn Thanh T về việc nuôi hai con chung. Còn xét về điều kiện, hoàn cảnh thực tế của chị H, chị làm lao động tự do thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng, hơn nữa chị là phụ nữ nguyện vọng của chị muốn được nuôi cháu Nguyễn Trần Hải Đ sinh ngày 11/10/2018 vì cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ. Xét về điều kiện nuôi con của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng chị H cũng vẫn đảm bảo tốt điều kiện về mọi mặt của con. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị H về việc nuôi con chung.

Vì vậy cần giao cho chị Trần Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Nguyễn Trần Hải Đ, sinh ngày 11/10/2018 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cho anh Nguyễn Thanh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09/7/2012 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

[2] Việc nuôi con: Giao cho chị Trần Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Nguyễn Trần Hải Đ, sinh ngày 11/10/2018 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cho anh Nguyễn Thanh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09/7/2012 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000105 ngày 11/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND TP. L;
- Chi cục THADS TP.L;
- UBND thị trấn Sìn hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh L;
- Lưu HSVA.

Phạm Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Thị Nga